

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày: 04-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Truyen

2. Ông Lê Văn Bút

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025, đối với:

- Bị cáo: Trần Hữu X, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 25/06/1986 tại thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số: 048086005603; cấp ngày 28/06/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: 11 V, tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu M (sinh năm 1954) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1958); vợ: Trương Thị Kim H (sinh năm 1990, đã ly hôn); con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011; nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 29/11/2005 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 44/2005/HS-ST.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị N, chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Duy L; Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; ông Nguyễn Tiến D, Địa chỉ: Khố phố D, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (*Theo Văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2024*) Bà L vắng mặt, ông D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/7/2023, Trần Hữu X và Công ty TNHH T (Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) có ký kết hợp đồng lao động số: 2023/HDLĐ-DNTH, có thời hạn từ ngày 24/07/2023 đến ngày 31/12/2023, qua đó hai bên thoả thuận với nhau về quyền và nghĩa vụ khi Trần Hữu X đến làm việc tại Công ty TNHH T. Trong đó, Trần Hữu X là nhân viên lái xe của công ty và được giao điều khiển xe container biển kiểm soát số: 29H -73.788 kéo theo rơ-moóc biển kiểm soát: 29R – 050.81. Quá trình làm việc tại công ty, Trần Hữu X có nhiệm vụ điều khiển xe container trên để vận chuyển hàng hoá và thu tiền cước vận chuyển từ khách hàng nộp về lại cho Công ty TNHH T. Từ ngày 17/10/2023 đến ngày 23/10/2023, X nhận ba đơn hàng vận chuyển hàng hoá là giàn giáo. Cụ thể như sau:

Ngày 17/10/2023 Trần Hữu X nhận đơn hàng vận chuyển hàng hoá là giàn giáo cho anh Nguyễn Đình C (sinh năm: 1976; trú tại: xã H, thành phố P, tỉnh Phú Thọ) từ tỉnh Thừa Thiên Huế đi thành phố Hà Nội với số tiền cước vận chuyển là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Sau khi giao hàng xong ở thành phố Hà Nội, sau đó X nhận vận chuyển hàng hoá là giàn giáo của chị Lê Thị Hồng N1 (sinh năm: 1983; trú tại Thôn C, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội) từ thành phố Hà Nội đi tỉnh Quảng Ngãi với số tiền cước vận chuyển là 18.500.000đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiếp tục nhận đơn hàng vận chuyển hàng hoá là giàn giáo cho anh Nguyễn Đình C từ tỉnh Thừa Thiên Huế đi thành phố Hà Nội với số tiền cước vận chuyển là 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng), đến ngày 23/10/2023 thì X kết thúc đợt vận chuyển.

Trần Hữu X nhận vận chuyển hàng cho các khách hàng trên bằng xe container biển kiểm soát: 29H -73.788 kéo theo rơ-moóc biển kiểm soát: 29R – 050.81 do Công ty T giao cho X điều khiển. Sau khi nhận đủ số tiền cước phí vận chuyển từ khách hàng tổng cộng 43.000.000 đồng X không nộp tiền về lại cho Công ty TNHH T theo quy định mà chiếm đoạt dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Công ty TNHH T nhiều lần liên lạc với X để về Công ty giải quyết nhưng X không hợp tác. Đến ngày 16/11/2023, Công ty TNHH T Tổng hợp Dana Trung H1 đã làm đơn tố cáo Trần Hữu X có hành vi chiếm đoạt số tiền 43.000.000 đồng của Công ty đến Cơ quan Công an huyện H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã triệu tập X đến làm việc và qua làm việc Trần Hữu X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 12/CT-VKSHV ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng truy tố Trần Hữu X về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu X trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Hữu X phạm tội "Tham ô tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Hữu X từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Trần Hữu X không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Trần Hữu X nói lời sau cùng: Thừa Hội đồng xét xử, do Công ty nợ tiền lương của bị cáo nên bị cáo đã chiếm đoạt số tiền thu được của khách hàng để chi tiêu, sinh hoạt trang trải cuộc sống; bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn; bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện để lo cho các con và cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của đại diện bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/10/2023 đến ngày 23/10/2023, Trần Hữu X là nhân viên lái xe của Công ty TNHH T, được giao nhiệm vụ lái xe vận chuyển hàng và thu tiền cước vận chuyển của khách hàng và có nghĩa vụ phải giao nộp về cho Công ty nhưng khi thu được tiền của khách hàng thì Trần Hữu X đã không giao nộp về Công ty mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Công ty đã liên lạc với X nhiều lần nhưng X không hợp tác và không giao nộp tiền về cho Công ty. Tổng số tiền Trần Hữu X chiếm đoạt của Công ty là 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng). Hành vi của bị cáo Trần Hữu X đã phạm vào tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 12/CT-VKSHV ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Trần Hữu X là người trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo là nhân viên của Công ty và được Công ty giao nhiệm vụ lái xe chở hàng và thu tiền cho Công ty; bị cáo biết và có nghĩa vụ khi thu được tiền của khách hàng thì phải có nghĩa vụ đem về giao nộp cho Công ty nhưng bị cáo lại cho rằng Công ty còn nợ tiền lương của bị cáo nên đã không giao nộp tiền về cho Công ty mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo đã chiếm

đoạt của Công ty TNHH T tổng số tiền 43.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp chiếm đoạt số tiền mà Công ty giao khi thu của khách hàng phải nộp về cho Công ty, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nhân thân bị cáo xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo bản án số 44/2005/HS-ST ngày 29/11/2005, nay lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, để bị cáo có điều kiện cải tạo, tu dưỡng trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại; khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đại diện bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già, bị cáo đã ly hôn với vợ và đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con còn nhỏ đang còn đi học. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

[5] Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho Công ty TNHH T số tiền 43.000.000 đồng, Công ty đã thanh toán tiền lương cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nghề nghiệp không ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu X phạm tội: “*Tham ô tài sản*”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Tuyên xử,

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu X 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bị cáo Trần Hữu X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc) niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo/Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện